

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình.

Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 267/2023/TLST-DS ngày 21/12/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 315/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt Q - Chức vụ: Giám đốc Phòng xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị T - nhân viên xử lý nợ.

Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2023.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu C, ấp T, xã B, huyện V, Đồng Nai.

(Bà T có mặt, ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà T trình bày:

Ngân hàng TMCP K (viết tắt Ngân hàng K) và ông Nguyễn Thanh T1 có ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền theo giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20017167/19/TC/1801-732152 ngày 22/10/2019. Theo hợp đồng tín dụng thỏa thuận ông T1 vay số tiền vay là 50.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay là 22%/năm, lãi suất chậm trả là 3,5%/ số tiền chậm trả, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày, kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi vay: hàng tháng. Các ngày trả lãi vay là ngày 5 hàng tháng; tiền lãi vay được tính bằng (=) dư nợ vay thực tế nhân (x) lãi suất vay (%/năm) nhân (x) lãi suất vay (%/năm) số ngày vay thực tế chia (:)365. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày; kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kỳ là 5%. Tỷ lệ này do K1 quy định và có thể thay đổi trong từng thời kỳ; số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kì=5%*(dư nợ cuối kì- số tiền vượt mức trong kì- số tiền trả góp trong kì)+ số tiền vượt hạn mức trong kỳ + số tiền trả góp trong kỳ; dư nợ cuối kì = dư nợ đầu kì – các khoản đã thanh toán trong kỳ + các khoản chi tiêu trong kỳ + phí + lãi.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng Ngân hàng K đã giải ngân cho ông T1 số tiền 504,351,999đ, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 455,950,842đ, ông T1 còn nợ số tiền 48,401,157đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, tính đến tháng 8 năm 2022 ông Nguyễn Thanh T1 mới thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông T1 nhưng ông T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 132,325,861đ. Trong đó nợ gốc là số tiền

48,401,157đ, lãi suất trong hạn là số tiền 47,089,581đ, lãi suất quá hạn là số tiền 22,573,660đ, phí phạt vượt hạn mức là số tiền 14,261,463đ.

- *Tại bản tự khai ngày 23/4/2024 bị đơn ông T1 trình bày:* Trong quá trình giao dịch thẻ Visa của Ngân hàng TMCP K với số tiền hạn mức 50.000.000đ. Do thời gian dịch C gặp khó khăn nên đã không thanh toán phát sinh thẻ Visa cho Ngân hàng đúng thời gian quy định. Hiện nay ông đang bắt đầu đi làm và có thu nhập để duy trì trả nợ gốc cho Ngân hàng. Ông sẽ liên hệ với Ngân hàng để lựa chọn phương án trả nhằm hỗ trợ ông trong thời gian gặp khó khăn về tài chính.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi 124.550.301đ tạm tính đến ngày 07/3/2024 thì đồng ý trả tiền nợ gốc và xin giảm tiền lãi.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa:

Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tố tụng đạt cho đương sự, niêm yết và thông báo công khai trên thông tin đại chúng đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và bản tự khai trình bày của ông T1 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận, nên hoàn trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T1 hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có mặt. Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về nợ gốc: Theo đại diện **Ngân hàng TMCP K** và ông **T1** thống nhất trình bày **Ngân hàng TMCP K** và ông **Nguyễn Thanh T1** có ký hết hợp đồng tín dụng để vay tiền theo giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 20017167/19/TC/1801-732152 ngày 22/10/2019. Theo hợp đồng tín dụng thỏa thuận ông **T1** vay số tiền hạn mức là 50.000.000đ, **Ngân hàng TMCP K** đã giải ngân cho ông **T1** đúng theo thỏa thuận hợp đồng hai bên ký kết, hiện ông **T1** còn nợ **Ngân hàng K** số tiền nợ gốc là 48,401,157đ, ông **T1** đồng ý trả số tiền nợ gốc cho **Ngân hàng K**. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2. Về lãi: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng theo giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0022/18/TC/1082-718107 ngày 15/11/2018 có chữ ký của ông **Nguyễn Thanh T1** và tài liệu, chứng cứ mà đại diện nguyên đơn cung cấp lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng như sau: lãi suất cho vay là 22%/năm, lãi suất chậm trả là 3,5%/ số tiền chậm trả, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày, kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng. Lãi suất tạm tính đến ngày 29/5/2024 cụ thể: Lãi suất trong hạn là số tiền 47,089,581đ, lãi suất quá hạn là số tiền 22,573,660đ, phí phạt vượt hạn mức là số tiền 14,261,463đ. Ông **T1** xin được giảm lãi nhưng **Ngân hàng K** không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cơ sở chấp nhận.

2.3. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà ông **Nguyễn Thanh T1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP K** tổng số tiền là 132,325,861đ (Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng tám trăm sáu mươi một đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.616.293đ.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91; 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng TMCP K và ông Nguyễn Thanh T1.

T2 buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền là 132,325,861đ (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là số tiền 48,401,157đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm linh một nghìn một trăm năm mươi bảy đồng), lãi suất trong hạn là số tiền 47,089,581đ (bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mươi một đồng), lãi suất quá hạn là số tiền 22,573,660đ (hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi đồng), phí phạt vượt hạn mức là số tiền 14,261,463đ (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2024), ông T1 còn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K khoản tiền lãi trên số

tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Thanh T1** phải chịu 6.616.293đ (sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại **Ngân hàng TMCP K** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.810.351đ (hai triệu tám trăm mười nghìn ba trăm năm mươi một đồng) tại biên lai thu tiền số 0009088 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông **Nguyễn Thanh T1** vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS H. Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn